



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/10/2021 ĐẾN NGÀY 31/12/2021

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	100		188.579.383.371	247.217.438.422
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.895.510.539	6.543.724.367
1. Tiền	111		18.895.510.539	6.543.724.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	224.000.000	224.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000	224.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.098.241.470	197.614.610.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	150.812.901.493	209.843.187.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.850.180.424	5.027.441.670
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	7.274.262.213	8.105.669.043
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.839.102.660)	(25.361.687.502)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	28.162.992.476	42.688.499.367
1. Hàng tồn kho	141		30.843.857.708	45.369.364.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.680.865.232)	(2.680.865.232)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		198.638.886	146.604.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	198.638.886	113.291.185
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	33.312.985
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.588.297.331	143.218.172.365
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.627.164.171	52.080.137.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	33.777.295.986	35.559.137.486
- Nguyên giá	222		71.971.467.356	71.897.482.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.194.171.370)	(36.338.344.870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.849.868.185	16.521.000.030
- Nguyên giá	228		24.887.314.435	24.887.314.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.037.446.250)	(8.366.314.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	89.773.711.088	89.509.711.088
1. Đầu tư vào công ty con	251		117.383.611.088	115.439.611.088
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.367.100.000	7.367.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.287.000.000)	(35.607.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.187.422.072	1.628.323.761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.187.422.072	1.628.323.761
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		330.167.680.702	390.435.610.787

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		89.888.184.544	156.858.559.980
I. Nợ ngắn hạn	310		85.937.396.861	152.896.059.086
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	27.376.525.034	42.870.108.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.899.934.394	20.717.714.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	386.113.124	3.132.309.004
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.423.412.208	5.502.741.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.354.926.922	2.688.424.635
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	24.434.384.267	47.834.738.043
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	16.576.135.834	25.011.575.236
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	3.674.859.404	3.074.388.651
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.811.105.674	2.064.058.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.950.787.683	3.962.500.894
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	905.293.950	326.453.550
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.390.283.681	1.611.220.848
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	1.655.210.052	2.024.826.496

THI CÔNG 03

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	240.279.496.158	233.577.050.807
I. Vốn chủ sở hữu	410		240.279.496.158	233.577.050.807
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.604.360.982	3.604.360.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.749.035.176	40.046.589.825
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.046.589.825	21.481.038.741
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.702.445.351	18.565.551.084
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		330.167.680.702	390.435.610.787

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Tổng giám đốc



Lâm Thiều Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ: 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021		Lũy kế từ 01/04/2021 đến 31/12/2021		Đơn vị tính: VND
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	53.890.783.265	119.300.194.471	109.089.433.671	185.740.950.756	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	53.890.783.265	119.300.194.471	109.089.433.671	185.740.950.756	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	43.311.634.423	97.595.250.180	86.596.261.536	149.323.289.979	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.03	10.579.148.842	21.704.944.291	22.493.172.135	36.417.660.777	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.370.523.231	841.045.925	5.399.386.130	7.940.597.915	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	206.076.762	509.398.946	2.458.428.518	1.463.915.561	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		206.073.402	508.111.199	753.174.934	1.275.234.782	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.479.966.023	6.441.482.639	16.851.870.663	17.217.661.667	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	(2.473.393.169)	10.400.941.999	2.183.483.563	14.790.216.560	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.737.022.457	5.194.166.632	6.398.775.521	10.886.464.904	
11. Thu nhập khác	31	VI.07	5.000.005	30.000.000	312.042.083	422.286.411	
12. Chi phí khác	32	VI.08	8.326.718	99	8.372.253	77.770.204	
13. Lợi nhuận khác	40		(3.326.713)	29.999.901	303.669.830	344.516.207	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		12.733.695.744	5.224.166.533	6.702.445.351	11.230.981.111	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	662.231.345	-	662.231.345	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.733.695.744	4.561.935.188	6.702.445.351	10.568.749.766	

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Tổng giám đốc



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2021 đến 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.702.445.351	11.230.981.111
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.409.573.424	2.898.413.778
- Các khoản dự phòng	03		(4.463.051.256)	3.704.026.034
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.443.365)	2.290.934
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.369.847.584)	(7.925.494.362)
- Chi phí lãi vay	06		753.174.934	1.275.234.782
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(252.231.523)	(82.005.795)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(228.380.019)	11.103.446.482
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63.074.401.319	2.256.794.404
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.525.506.891	(21.704.458.253)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.170.184.062)	17.113.880.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(644.446.012)	439.207.063
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(753.174.934)	(1.275.234.782)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.121.716.114)	(1.345.240.661)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(252.953.000)	(75.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.429.054.069	6.512.914.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(73.985.000)	(157.712.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.944.000.000)	(7.367.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.367.713.140	7.925.744.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.349.728.140	400.932.137

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		33.437.070.925	51.258.165.888
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.872.510.327)	(32.270.252.730)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(18.952.004.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(8.435.439.402)</i></u>	<u><i>35.909.158</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.343.342.807	6.949.755.577
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.543.724.367	485.468.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.443.365	(2.290.934)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>18.895.510.539</u>	<u>7.432.933.358</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bích Thảo

Trương Thị Phương Dung



Lâm Tiểu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có 96 nhân viên đang làm việc
- Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	50,42%	50,42%	50,42%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	88,59%	88,59%	88,59%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng;	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt.	100%	100%	100%

Công ty liên kết
Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	171.078.068	64.075.375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.724.432.471	6.479.648.992
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	18.895.510.539	6.543.724.367

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	224.000.000
Cộng	224.000.000	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	117.383.611.088	(33.235.000.000)	115.439.611.088	(33.297.000.000)
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	27.230.984.223	-
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	12.826.229.300	-	12.826.229.300	-
Công ty CP Tin Học Siêu Tính	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	36.565.360.964	(33.235.000.000)	36.565.360.964	(33.297.000.000)
Công ty TNHH MTV KTCN Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.367.100.000	(1.742.000.000)	7.367.100.000	-
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7.367.100.000	(1.742.000.000)	7.367.100.000	-
Cộng	127.060.711.088	(37.287.000.000)	125.116.711.088	(35.607.000.000)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu các bên liên quan	1.158.530.659	868.142.906
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	700.340.238	516.738.282
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	196.683.686	57.877.157
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	89.128.097	81.824.393
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	21.344.162	75.124.324
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	151.034.476	136.578.750
Phải thu các khách hàng khác	149.654.370.834	208.975.044.401
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	66.180.390.052	87.175.733.935
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam-Cty CP	13.614.104.043	27.427.973.049
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	7.436.046.300	9.125.140.300
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Băng Dương	3.896.814.588	3.896.814.588
TCT Giải Pháp DN Viettel- CN TĐ Công NghiệpVT Quân Đội	-	3.345.345.068
Công ty CP TM DV Viễn Thông Việt Vương	4.767.654.871	14.156.196.988
Công ty Cổ Phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật	-	11.809.994.528
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	-	20.454.477.210
Công ty Cổ Phần Giao Thông Số Việt Nam	4.768.361.576	8.158.150.668
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO	13.815.339.710	-
Cục Tài Vụ - Quản Trị	5.852.186.032	-
Các khách hàng khác	29.323.473.662	23.425.218.067
Cộng	150.812.901.493	209.843.187.307
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	1.850.180.424	5.027.441.670
Công ty CP Thiết Bị Văn Phòng Siêu Thanh	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây lắp Công trình 575	-	2.009.462.248
Trường Cao Đẳng Đường Sắt	742.153.927	742.153.927
Nhà cung cấp khác	1.108.026.497	2.275.825.495
Cộng	1.850.180.424	5.027.441.670
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

6. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.610.542.613	(3.500.000.000)	4.286.484.390	(3.500.000.000)
Công ty CP Công Nghệ	1.854.600	-	139.758.796	-
Tự Động Tân Tiến - khác				
Công ty CP Kỹ Thuật	60.147.758	-	530.149.305	-
Điện Toàn Cầu - khác				
Công ty TNHH liên doanh	48.540.255	-	116.576.289	-
Global sitem - khác				
Công ty CP Cơ Điện	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Thạch Anh - Cho mượn				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.663.719.600	-	3.819.184.653	-
Ký cược, ký quỹ	1.926.161.619	-	2.008.120.222	-
Tạm ứng	315.896.420	-	169.103.200	-
Phải thu khác	1.421.661.561	-	1.641.961.231	-
Cộng	7.274.262.213	(3.500.000.000)	8.105.669.043	(3.500.000.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	24.936.935.049	-	36.897.821.372	-
Hàng hóa	5.906.922.659	(2.680.865.232)	8.471.543.227	(2.680.865.232)
Cộng	30.843.857.708	(2.680.865.232)	45.369.364.599	(2.680.865.232)

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 2.680.865.232 VND (Số đầu năm là 2.680.865.232 VND).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	138.719.222	40.739.205
Chi phí bảo hiểm	14.904.810	15.318.708
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	-	18.800.000
Chi phí khác	45.014.854	38.433.272
Cộng	198.638.886	113.291.185

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	575.868.473	593.802.098
Chi phí sửa chữa	1.016.801.848	227.073.780
Công cụ, dụng cụ	594.751.751	807.447.883
Cộng	2.187.422.072	1.628.323.761

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.484.516.714	71.897.482.356
Mua trong năm	-	-	-	73.985.000	73.985.000
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.558.501.714	71.971.467.356
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.668.852.678	17.058.782.779	2.564.894.368	1.045.815.045	36.338.344.870
Khấu hao trong năm	1.277.413.425	251.191.402	150.814.288	176.407.385	1.855.826.500
Số cuối kỳ	16.946.266.103	17.309.974.181	2.715.708.656	1.222.222.430	38.194.171.370
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.632.096.982	323.597.075	164.741.760	438.701.669	35.559.137.486
Số cuối kỳ	33.354.683.557	72.405.673	13.927.472	336.279.284	33.777.295.986

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.030.637.603	335.676.802	8.366.314.405
Khấu hao trong năm	575.749.377	95.382.468	671.131.845
Số cuối kỳ	8.606.386.980	431.059.270	9.037.446.250
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.022.891.642	498.108.388	16.521.000.030
Số cuối kỳ	15.447.142.265	402.725.920	15.849.868.185

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	17.052.510.212	20.335.901.135
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	27.389.826	289.216.806
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	93.381.569	97.451.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	14.556.760.000	17.780.860.000
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	2.374.978.817	2.168.372.760
Phải trả các nhà cung cấp khác	10.324.014.822	22.534.207.495
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hoàng Đạo	826.040.069	826.040.069
Công ty TNHH Đầu Tư XD Quảng Cáo Duy Tân	943.136.744	83.926.744
Công ty CP Công Nghiệp GiaoThông Đông Hải	797.280.000	4.348.800.000
Các nhà cung cấp khác	7.757.558.009	17.275.440.682
Cộng	27.376.525.034	42.870.108.630

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	4.633.700.817	4.675.475.200
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	4.633.700.817	4.675.475.200
Trả trước của các khách hàng khác	2.266.233.577	16.042.239.775
Công ty Quản Lý Bay Miền Nam-CN TCTQLBMN-Công ty TNHH		432.353.316
Cục Tài Vụ - Quản Trị		5.857.637.633
Công ty cổ phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO	-	8.574.631.940
Các khách hàng khác	2.266.233.577	1.177.616.886
Cộng	6.899.934.394	20.717.714.975

24
1
T
G
H
M

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.010.592.890	-	324.833.770	1.010.592.890	324.833.770	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	176.117.496	176.117.496	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	60.930.012	60.930.012	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.716.114	-	-	2.121.716.114	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.312.985	1.054.445.470	959.853.131	61.279.354	-
Cộng	3.132.309.004	33.312.985	1.616.326.748	4.329.209.643	386.113.124	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Không chịu thuế
0%
10%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	2.222.160.551	2.541.426.191
Chi phí lãi vay	-	24.998.444
Chi phí khác	132.766.371	122.000.000
Cộng	2.354.926.922	2.688.424.635

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	22.764.762.715	27.161.296.670
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	12.509.915	5.013.470
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	2.000.000.000	6.400.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích	2.252.800	6.283.200
Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn	20.750.000.000	20.750.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.669.621.552	20.673.441.373
Phải trả tiền mượn các cá nhân	28.000.000	16.500.000.000
Cổ tức phải trả	113.123.700	113.123.700
Phải trả BHXH	593.951.803	39.398.001
Phải trả khác	366.263.409	3.601.019.775
Nhận ký quỹ, ký cược	568.282.640	419.899.897
Cộng	24.434.384.267	47.834.738.043

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	905.293.950	326.453.550
Nhận ký quỹ, ký cược	905.293.950	326.453.550
Cộng	905.293.950	326.453.550

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.576.135.834	16.576.135.834	25.011.575.236	25.011.575.236
Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)	14.282.184.388	14.282.184.388	23.401.210.286	23.401.210.286
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN, CN Phú Mỹ Hưng.	2.293.951.446	2.293.951.446	1.610.364.950	1.610.364.950
Cộng	16.576.135.834	16.576.135.834	25.011.575.236	25.011.575.236

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.500.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.011.575.236	33.437.070.925	41.872.510.327	16.576.135.834
Cộng	25.011.575.236	33.437.070.925	41.872.510.327	16.576.135.834

17b. Vay dài hạn**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>3.074.388.651</u>
Trích lập dự phòng	555.348.652
Số sử dụng	(386.450.542)
Phân loại lại	431.572.643
Số cuối kỳ	<u>3.674.859.404</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>1.611.220.848</u>
Trích lập dự phòng	274.511.019
Số sử dụng	(63.875.543)
Phân loại lại	(431.572.643)
Số cuối kỳ	<u>1.390.283.681</u>

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	<u>2.064.058.674</u>
Chi quỹ trong kỳ	(252.953.000)
Số cuối kỳ	<u>1.811.105.674</u>

20. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	1.677.670.670	347.155.826	2.024.826.496
Khấu hao tài sản cố định		(117.384.921)	(117.384.921)
Đã sử dụng trong kỳ	(252.231.523)		(252.231.523)
Số cuối kỳ	<u>1.425.439.147</u>	<u>229.770.905</u>	<u>1.655.210.052</u>

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022.

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu Kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	2.574.360.982	39.990.137.964	232.490.598.946
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.618.851.883	20.618.851.883
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.030.000.000	(2.053.300.800)	(1.023.300.800)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(18.992.610.000)	(18.992.610.000)
Quyết toán quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	483.510.778	483.510.778
Số dư cuối Kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	40.046.589.825	233.577.050.807
Số dư đầu Kỳ này	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	40.046.589.825	233.577.050.807
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.702.445.351	6.702.445.351
Số dư cuối Kỳ này	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	46.749.035.176	240.279.496.158

21 b. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- *Cổ phiếu phổ thông*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21 c. Phân phối lợi nhuận

- Theo nghị quyết lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản ngày 14 tháng 12 năm 2021 thông qua phương án chuyển đổi chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12% từ hình thức bằng tiền mặt sang cổ phần. Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến phát hành là 2.279.113 cổ phần.

Số cuối kỳ

Số đầu năm

19.064.798

19.064.798

19.064.798

-

72.188

72.188

-

18.992.610

18.992.610

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Tổng doanh thu	53.890.783.265	119.300.194.471	108.565.080.138	185.740.950.756
- Doanh thu bán hàng hóa	46.476.985.015	114.096.851.629	95.781.376.082	172.370.088.597
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.413.798.250	5.203.342.842	12.783.704.056	13.370.862.159
Doanh thu thuần	53.890.783.265	119.300.194.471	108.565.080.138	185.740.950.756

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	28.551.594.240	87.459.020.694	58.491.116.025	130.239.552.116
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.760.040.183	10.136.229.486	28.105.145.511	19.083.737.863
Cộng	43.311.634.423	97.595.250.180	86.596.261.536	149.323.289.979

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.089.030	351.036	6.244.384	5.669.962
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.831.001	3.941.889	13.865.084	5.554.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.363.603.200	836.753.000	5.363.603.200	7.919.824.400
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	10.184.353	2.690.232
Lãi CLTG phát sinh	-	-	5.489.109	6.858.875
Cộng	5.370.523.231	841.045.925	5.399.386.130	7.940.597.915

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Chi phí lãi vay	206.073.402	508.111.199	753.174.934	1.275.234.782
Lỗ CLTG phát sinh	3.360	1.287.747	25.253.584	186.389.845
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	-	2.290.934
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	1.680.000.000	-
Cộng	206.076.762	509.398.946	2.458.428.518	1.463.915.561

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Chi phí cho nhân viên	5.124.529.707	5.767.730.650	15.816.990.162	15.066.848.624
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.992.737	135.941.623	268.644.731	747.528.836
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	2.500.002	1.021.482	7.500.006
Chi phí bảo hành	94.968.845	81.236.684	204.518.654	126.720.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.666.258	306.298.445	374.047.190	913.926.869
Chi phí khác	50.808.476	147.775.235	186.648.444	355.136.756
Cộng	5.479.966.023	6.441.482.639	16.851.870.663	17.217.661.667

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Chi phí cho nhân viên	3.131.913.195	3.444.729.900	6.610.544.594	6.360.723.040
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.302.358	86.087.185	310.571.991	248.338.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.206.658	122.993.505	194.169.557	366.326.292
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.387.598.210)		(6.387.598.210)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	558.873.480	520.748.561	1.537.778.841	1.547.335.151
Chi phí khác	17.909.350	6.226.382.848	(81.983.210)	6.267.493.369
Cộng	(2.473.393.169)	10.400.941.999	2.183.483.563	14.790.216.560

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Thu tiền Vsop		-	307.042.078	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	-		-	302.038.821
Thu khác	5.000.005	30.000.000	5.000.005	120.247.590
Cộng	5.000.005	30.000.000	312.042.083	422.286.411

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/04/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Chi phí khác	8.326.718	99	8.372.253	77.770.204
Cộng	8.326.718	99	8.372.253	77.770.204

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/10/2021 đến	Từ 01/10/2020	Từ 01/04/2021	Từ 01/04/2020
	31/12/2021	đến 31/12/2020	đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
Chi phí hàng hóa xuất bán	22.871.333.141	77.326.421.236	49.088.134.941	149.005.619.802
Chi phí nhân công	8.256.442.902	9.212.460.550	22.427.534.756	21.427.571.664
Thiết bị văn phòng và VPP	254.295.095	222.028.808	579.216.722	995.867.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.317.416	620.524.753	2.409.573.424	2.422.972.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.812.575.594	11.353.686.290	25.490.427.385	26.648.352.445
Chi phí khác	(6.318.880.384)	5.760.726.413	(6.523.009.626)	4.347.790.848
Cộng	33.612.083.764	104.495.848.050	93.471.877.602	204.848.175.119

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 3.279.093.571 VND (cùng kỳ Kỳ trước là 2.312.100.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		Cùng tập đoàn
Công ty cổ phần In No		Cùng tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu		Cùng tập đoàn
Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:		
	Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ này	
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	513.691.350	489.372.471
Phải thu chi phí chia sẻ	92.379.569	77.192.808
Bán hàng hoá và dịch vụ	57.320.000	-
Mua hàng		251.377.558
Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	354.588.444	360.071.250

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu		
Mua hàng hoá và dịch vụ	123.247.478	1.347.640.252
Bán hàng hoá và dịch vụ	1.304.715.742	974.510.684
Nhận VSOP	83.744.496	62.073.180
Nhận cổ tức	3.690.097.200	6.246.318.400
Quỹ Phúc lợi chuyển về công ty mẹ	-	-
Phải thu chi phí chia sẻ	110.825.562	85.078.625
Phải trả chi phí chia sẻ	2.048.000	6.228.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		
Mua hàng hoá và dịch vụ	193.096.415	477.531.057
Bán hàng hoá và dịch vụ	37.976.712	12.131.310.000
Quỹ Phúc lợi chuyển về công ty mẹ	-	74.000.000
Tiền mượn	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Bán hàng hoá và dịch vụ	1.360.566.877	1.232.221.870
Nhận cổ tức	1.673.506.000	1.673.506.000
Quỹ Phúc lợi chuyển về công ty mẹ	-	18.967.185
Phải thu chi phí chia sẻ	1.686.000	300.000
Phải trả chi phí chia sẻ	19.645.350	14.282.200
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	140.567.724	139.729.903
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.243.550.000	11.670.210.000

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2021 đến 31/12/2021

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	67.684.138.490	53.664.728.345	14.019.410.145
Viễn thông - tin học	33.900.745.577	27.032.227.052	6.868.518.525
Lĩnh vực khác	7.504.549.604	5.899.306.139	1.605.243.465
Tổng cộng	109.089.433.671	86.596.261.536	22.493.172.135

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	53.890.783.265	119.300.194.471	(65.409.411.206)	-55%
Giá vốn hàng bán	43.311.634.423	97.595.250.180	(54.283.615.757)	-56%
Lợi nhuận gộp	10.579.148.842	21.704.944.291	(11.125.795.449)	-51%
Doanh thu tài chính	5.370.523.231	841.045.925	4.529.477.306	539%
Chi phí tài chính	206.076.762	509.398.946	(303.322.184)	-60%
Chi phí bán hàng	5.479.966.023	6.441.482.639	(961.516.616)	-15%
Chi phí quản lý DN	(2.473.393.169)	10.400.941.999	(12.874.335.168)	-124%
Thu nhập khác	5.000.005	30.000.000	(24.999.995)	-83%
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.733.695.744	4.561.935.188	8.171.760.556	179%

Với kết quả kinh doanh quý 3 như trên, mặc dù doanh thu giảm mạnh với tỷ lệ giảm 55% nhưng kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 12,73 tỷ tăng 8,17 tỷ so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

- Doanh thu tài chính đạt 5,37 tỷ tăng 4,53 tỷ (trương đương 539%) do nhận cổ tức từ các công ty con.
- Chi phí quản lý giảm 12,87 tỷ so với cùng kỳ năm trước do công ty hoàn nhập các khoản dự phòng và kiểm soát việc sử dụng các chi phí khác.

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Thiếu Quân